

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26/12/2024.

V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt D

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt T và ông Nguyễn Văn T

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phan Thị H – Thẩm phán Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thu H - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu T, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Kiều Mạnh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu T, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L và anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Kiều Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2013 tại UBND xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng ở tại khu T, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được khoảng 7 năm, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi bất hoà. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Anh Kiều Mạnh T trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị L trình bày. Hiện nay anh T đã về nhà mẹ đẻ tại khu L, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ở, anh và chị L không quan tâm đến nhau. Chị L xin ly hôn anh không đồng ý vì muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi con.

2. Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung là Kiều Kim K, sinh ngày 05/11/2015; Kiều Kim C, sinh ngày 19/6/2018; Kiều Minh K, sinh ngày 19/6/2022, kể từ khi chị L và anh T ly thân, các con ở cùng với chị L. Khi ly hôn, chị L đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.000.000đ/1 con chung/1 tháng.

Anh T đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 1.000.000đ/1 con chung/1 tháng.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L và anh T đều không yêu cầu giải quyết.

4. Nguyên vọng của con chung: Tại bản tự khai ngày 14/10/2024 cháu Kiều Kim K có nguyện vọng ở với chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Kiều Mạnh T.

Về con chung: Giao con chung Kiều Kim K, sinh ngày 05/11/2015; Kiều Kim C, sinh ngày 19/6/2018; Kiều Minh K, sinh ngày 19/6/2022 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Kiều Mạnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 1.000.000đ/1 con chung/1 tháng, tổng là 3.000.000đ/3 con chung/1 tháng,

kể từ khi án có hiệu lực đến khi từng con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T phải chịu (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Kiều Mạnh T có hộ khẩu thường trú tại khu T, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị L và anh T đều có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Kiều Mạnh T kết hôn ngày 18/01/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hôn nhân giữa chị L và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện do đó là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của chị L, anh T và việc xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T tại UBND xã T thì xác định được hôn nhân của chị L và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, dẫn đến xảy ra tranh cãi, bất hoà. Hiện nay chị L và anh T đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Anh T xin đoàn tụ vì mục đích muốn con chung có đầy đủ cả bố và mẹ, không xuất phát từ tình cảm vợ chồng, anh cũng không có biện pháp để hàn gắn mâu thuẫn của chị L và anh T. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án chị L có đề nghị không hoà giải, anh T đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt, cả hai bên đều không có thiện trí để hoà giải, cải thiện tình trạng hôn nhân. Do vậy cần xử cho chị L được ly

hôn anh T là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Kiều Mạnh T có 03 con chung, hiện nay các con chung đang ở cùng chị L. Chị L và anh T đều thống nhất chị L trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị L là 1.000.000đ/ 1 con chung/ 1 tháng, tổng là 3.000.000đ/ 3 con chung/ 1 tháng. Xét đây là sự nguyện của các đương sự, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Kiều Mạnh T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung Kiều Kim K, sinh ngày 05/11/2015; Kiều Kim C, sinh ngày 19/6/2018; Kiều Minh K, sinh ngày 19/6/2022. Anh Kiều Mạnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 1.000.000đ/ 1 con chung/ 1 tháng, tổng là 3.000.000đ/ 3 con chung/ 1 tháng, kể từ khi án có hiệu lực đến khi từng con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Anh Kiều Mạnh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Nguyễn Thị L và anh Kiều Mạnh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004984 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Kiều Mạnh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê;
- Lưu HS+ VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Việt D